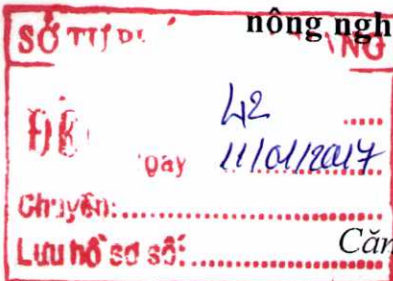


QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hậu Giang; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hậu Giang; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. nd

Nơi nhận

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.THH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên

QUY ĐỊNH

Về mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51 /2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Hậu Giang)

Điều 1. Mục đích

Việc ban hành chính sách này nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Xây dựng nền nông nghiệp tỉnh Hậu Giang phát triển theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này bao gồm một số chính sách hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là Chủ đầu tư) đầu tư sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại các loại sản phẩm nông nghiệp, thủy sản thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 4. Danh mục các sản phẩm được hỗ trợ theo quy định

1. Các sản phẩm được quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Sản phẩm trồng trọt: mía đường, bưởi năm roi, cam sành, khóm Cầu Đúc, quýt đường Long Trị, xoài cát Hòa Lộc, chanh không hạt.

3. Sản phẩm thủy sản: cá rô đồng, cá thác lát, cá điêu hồng, cá lóc, lươn, ba ba, cua đinh, ếch.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

Chủ đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm nông lâm thủy sản phải có đủ các điều kiện sau:

1. Áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm.

2. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.

Điều 6. Một số chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước

1. Đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp, thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp và thủy sản; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn.

Nội dung và mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại các chương trình, dự án lồng ghép thực hiện VietGAP.

4. Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

5. Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): nội dung chi và mức chi theo Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

6. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ các nội dung tại Quyết định này được sử dụng từ ngân sách Trung ương thông qua các chương trình, dự án có liên quan; kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ đã được giao cho các cơ quan, đơn vị và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cùng các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan phổ biến, tuyên truyền nội dung cơ chế chính sách này đến các tổ chức và cá nhân; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập và phê duyệt quy hoạch các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng quy trình VietGAP trên địa bàn tỉnh. Đánh giá, đề xuất tổ chức chứng nhận sản xuất, sơ chế sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Chủ trì thực hiện xét duyệt đối tượng đăng ký được hỗ trợ và chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan căn cứ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thẩm tra, phân bổ cho các đơn vị để thực hiện chính sách theo đúng quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các huyện, thị xã, thành phố.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch và ưu tiên phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn lồng ghép của các chương trình, dự án để thực hiện chính sách theo quy định.

4. Sở Công Thương

Căn cứ kế hoạch hàng năm, định hướng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại về lưu thông, phân phối các sản phẩm an toàn sản xuất theo quy trình VietGAP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến các sản phẩm VietGAP; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong sản xuất.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm theo quy định.

6. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến sản phẩm VietGAP.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên (đất đai); các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất được ưu tiên thuê đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại các vùng sản xuất rau theo quy hoạch; phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; quản lý về môi trường trên địa bàn tỉnh theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Hướng dẫn thủ tục về đất đai và bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, sơ chế sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn theo quy trình VietGAP.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đất đai và thực thi các giải pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, sơ chế sản phẩm VietGAP.

8. Kho bạc Nhà nước Hậu Giang

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc chuyển trả kinh phí hỗ trợ cho các chủ đầu tư theo quy định.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hậu Giang

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, chế biến và xúc tiến thương mại sản phẩm nông, lâm, thủy sản áp dụng theo quy trình VietGAP.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Rà soát tính quy hoạch của phương án đầu tư.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận địa điểm đầu tư theo Quy định này.

- Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, đơn vị liên quan phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, tập huấn, lập phương án sản xuất áp dụng quy trình VietGAP để được đăng ký hưởng các cơ chế chính sách theo quy định.

- Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định, gửi các sở, ngành liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu hàng năm theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các Chủ đầu tư

Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh việc sử dụng vốn đầu tư cho mô hình và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức hướng dẫn kiểm tra thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./. *nd*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên